

Số: 72/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 26 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ khoản 2 Điều 149 và các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh **Sùng A H**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: **Bản H, xã T, huyện S tỉnh Lai Châu.**

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị **Lý Thị B**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: **Bản H, xã T, huyện S tỉnh Lai Châu.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 9 năm 2024 người yêu cầu anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** thỏa thuận như sau:

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2020, tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Thời gian đầu hai vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 anh **H** đi xa nhà, xã quê đào tạo nghề mỏ than khoáng sản Việt Nam, tại Quảng Ninh, vì đi làm xa nhà không gần vợ con, nên hai vợ chồng dần dần không hiểu nhau, sảy ra mâu

thuần, anh **H** và chị **B** bất đồng quan điểm hay thường xuyên xảy ra cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ, chồng sa sút, ít quan tâm tới nhau, không chịu làm hòa với nhau, anh **H** và chị **B** đã cố gắng tìm cách để khác phục nhưng không có kết quả. Cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng trầm trọng đến nay anh **H** và chị **B** đã sống ly thân. Trong thời gian vợ, chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ, chồng không còn. Trong quá trình giải quyết việc dân sự anh **H** và chị **B** không đưa ra biện pháp gì để cải thiện cuộc sống chung của vợ, chồng. Hiện tại anh **H** và chị **B** vẫn đang sống ly thân, Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B**.

[2]. Về con chung: Anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** có một con chung là cháu **Sùng Thị L**, sinh ngày 05/3/2018, anh **H** và chị **Lý Thị B** thỏa thuận chị **Lý Thị B** là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Sùng Thị L** cho đến khi cháu **L** (đủ 18 tuổi), anh **Sùng A H** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Thị B** không yêu cầu anh **Sùng A H** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** xin miễn tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40, ngày 27/10/2020 tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu**.

- Về con chung: Giao cháu **Sùng Thị L**, sinh ngày 05/3/2018 cho chị **Lý Thị B** là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **L** cho đến khi cháu **L** (đủ 18 tuổi), anh **Sùng A H** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Thị B** không yêu cầu anh **Sùng A H** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** đều là người dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại **xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu** là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B** có đơn xin miễn tiền lệ phí. Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12, khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn lệ phí Hôn nhân gia đình cho anh **Sùng A H** và chị **Lý Thị B**./.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Tủa Sín Chải;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Mạnh Trang**